

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN TÂN PHÚ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh P**

Bản án số: 300/HNGĐ-ST
Ngày: 15/4/2022
V/v: TrAh chấp ly hôn.

**NHÂN DẠH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Trúc Lý

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đào Quốc Thắng

2. Bà Nguyễn Thị Bông Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Kiều OAh, Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thúy Hà, Kiểm sát viên

Trong ngày 15 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 62/2022/HNST ngày 18 tháng 01 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2022/QĐST-XX-HNGĐ ngày 22/3/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Thu D, sinh năm 1991

Địa chỉ: 250/2A đường T, phường Sơn Kỳ, quận Tân Phú, TPHCM.

Bị đơn: Ông Phạm Đăng H, sinh năm 1989

Địa chỉ: 117/2 đường D, phường Tân Quý, quận Tân Phú, TPHCM

(Bà D và ông H có mặt)

NỘI D VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai, các buổi hòa giải trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Phạm Thị Thu D trình bày:

Bà và ông Phạm Đăng H tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2014, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND phường Sơn Kỳ, quận Tân Phú, TPHCM, theo giấy chứng nhận kết hôn số 131 ngày 01/11/2014. Vợ chồng chung sống hạnh P được một thời giA thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hòa hợp, bất đồng quA điểm sống, cả hai không có tiếng nói chung. Vợ

Chồng không cùng nhau chia sẻ những khó khăn trong cuộc sống. Cuộc sống chung thêm mâu thuẫn mẹ chồng con dâu không hòa hợp, cả hai vợ chồng không đồng cảm nên tình cảm vợ chồng ngày càng nhạt phai, vì vậy cả hai đã sống ly thân khoảng hai năm nay. Nay bà xin ly hôn cùng ông H để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Phạm Đăng P, sinh ngày 07/11/2015 và Phạm Đăng P A, sinh ngày 22/10/2017. Bà xin được nuôi chung, yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng cho hai trẻ là 4.000.000 đồng (mỗi trẻ 2.000.000 đồng) đến khi trưởng thành.

Về tài sản chung: không có.

Về nợ chung: không có.

Tại Bản tự khai, bị đơn ông Phạm Đăng H trình bày: Ông thống nhất với lời trình bày của bà D về thời gian sống chung và đăng ký kết hôn giữa hai người là đúng. Vợ chồng chung sống thời gian đầu hạnh P, sau đó phát sinh mâu thuẫn do không hợp nhau về cách sống, cách nghĩ, mâu thuẫn mẹ chồng con dâu không hòa hợp nên bà D đã về nhà mẹ đẻ sinh sống khoảng hai năm, từ đó hai vợ chồng sống ly thân đến nay. Nay bà D xin ly hôn thì ông không đồng ý vì ông còn thương vợ con.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Phạm Đăng P, sinh ngày 07/11/2015 và Phạm Đăng P A, sinh ngày 22/10/2017. Nếu Tòa xử cho ly hôn thì ông đồng ý giao hai con chung cho bà D nuôi dưỡng, ông sẽ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng cho hai trẻ là 4.000.000 đồng (mỗi trẻ 2.000.000 đồng) đến khi trưởng thành.

Về tài sản chung: không có

Về nợ chung: không có

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng quy định tại các Điều 48, Điều 49, Điều 51 Điều 63 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015. Việc Tòa thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, đúng quaA hệ tranh chấp và về thu thập chứng cứ, xác định đúng tư cách đương sự. Yêu cầu chung đối với phiên tòa sơ thẩm Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo quy định tại Điều 222, Điều 228 Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình 2014,

Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Phạm Thị Thu D về việc xin ly hôn ông Phạm Đăng H.

Về con chung: Giao hai con chung tên Phạm Đăng P, sinh ngày 07/11/2015 và Phạm Đăng P A, sinh ngày 22/10/2017 cho bà D nuôi dưỡng, ông H cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi tháng cho hai trẻ là 4.000.000 đồng (mỗi trẻ 2.000.000 đồng) đến khi trưởng thành.

Về tài sản chung và nợ chung: không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét đơn khởi kiện của bà Phạm Thị Thu D yêu cầu ly hôn ông Phạm Đăng H, đây là tranh chấp Hôn nhân và gia đình về ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn ông Phạm Đăng H có nơi cư trú tại quận Tân Phú nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về nội dung tranh chấp:

- Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 131 ngày 01/11/2014 Ủy ban nhân dân phường Sơn Kỳ, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh có đủ cơ sở xác nhận hôn nhân giữa bà Phạm Thị Thu D và ông Phạm Đăng H là hợp pháp phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Bà Phạm Thị Thu D trình bày: Nguyên nhân mâu thuẫn giữa bà và ông H do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống với nhau về mọi mặt, cả hai không có tiếng nói chung. Cuộc sống chung mâu thuẫn mẹ chồng con dâu không hòa hợp, cả hai vợ chồng không đồng cảm nên tình cảm vợ chồng ngày càng nhạt phai.

Ông H trình bày: Nguyên nhân mâu thuẫn giữa hai vợ chồng do mâu thuẫn mẹ chồng con dâu, vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên bà D bỏ về mẹ đẻ sinh sống nên vợ chồng đã sống ly thân hai năm nay.

Hội đồng xét xử xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa bà D và ông H mâu thuẫn là thực tế có xảy ra vì cả hai đều thừa nhận, vợ chồng đã sống ly thân khoảng hai năm nay nhưng ông H không đưa ra được biện pháp nào để khắc phục mâu thuẫn vợ chồng, mục đích hôn nhân của ông H và bà D không đạt được nên không thể xây dựng gia đình hạnh phúc theo Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “ Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu...có nghĩa vụ sống chung...”. Do vậy, xét yêu cầu ly hôn của bà D là có căn cứ và phù hợp quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên chấp nhận.

- *Về con chung*: Vợ chồng có 02 con chung là Phạm Đăng P, sinh ngày 07/11/2015 và Phạm Đăng P A, sinh ngày 22/10/2017. Bà xin được nuôi chung, yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng cho hai trẻ là 4.000.000 đồng (mỗi trẻ 2.000.000 đồng) đến khi trưởng thành.

Hội đồng xét xử xét thấy, ông H và bà D cùng thỏa thuận giao hai con chung cho bà D nuôi dưỡng. Ông H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng cho hai trẻ là 4.000.000 đồng (mỗi trẻ 2.000.000 đồng) đến khi các trẻ lần lượt trưởng thành nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

- *Về tài sản chung*: Bà D và ông H khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về nghĩa vụ dân sự*: Bà D và ông H khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) do nguyên đơn bà Phạm Thị Thu D phải nộp không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 264; Điều 266; Điều 267; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Các Điều 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn bà Phạm Thị Thu D

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Thu D được ly hôn với ông Phạm Đăng H.

Quan hệ hôn nhân theo Giấy chứng nhận kết hôn số 131 ngày 01/11/2014 của Ủy ban nhân dân phường Sơn Kỳ, quận Tân Phú, TPHCM chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Bà Phạm Thị Thu D trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung tên Phạm Đăng P, sinh ngày 07/11/2015 và Phạm Đăng P A, sinh ngày 22/10/2017. Ông H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng cho hai trẻ là 4.000.000 đồng (mỗi trẻ 2.000.000 đồng). Thời gian bắt đầu cấp dưỡng nuôi con từ tháng 5/2022 đến khi các trẻ lần lượt trưởng thành.

Khi có lý do chính đáng mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Nếu hai bên không tự thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong trường hợp bà D không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì trên cơ sở lợi ích của con, ông H hoặc bà D, hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Ông H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trường hợp ông H lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà D có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

- Về tài sản chung: Không xem xét.

- Về nghĩa vụ dân sự: Không xem xét.

2. Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Phạm Thị Thu D 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), nhưng được cân trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0034948 ngày 18/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà D đã nộp đủ án phí.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, Bị đơn được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án.

4. Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAD TP.HCM;
- VKSND quận Tân Phú;
- Chi cục THADS quận Tân Phú;
- UBND phường Sơn Kỳ, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Trúc Lý